

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/01/2018
Về việc: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 25/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thụ lý số 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm H, xã TN, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân S - Sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh S qua tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, đến ngày 26/7/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện T, sau khi đăng ký kết hôn sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S vào Miền Nam làm ăn đã sống chung với người phụ nữ khác như vợ chồng, mỗi lần về thì chửi mắng đánh đập vợ con, chị N khuyên can anh S không nghe, vẫn cứ như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Trịnh Thị Lê Nh, sinh ngày 29/9/2007, từ khi vợ chồng ly thân anh S bỏ mặc con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, không quan tâm gì. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của cháu Nh muốn được ở với chị, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản, nợ: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Xuân S bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không làm việc được với anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Trịnh Xuân S, theo tài liệu nguyên đơn cung cấp, anh S có hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã D, huyện T, nhưng sau khi thụ lý vụ án, anh S đi làm ăn xa và vẫn thường xuyên đi về nhưng không đăng ký tạm vắng tạm trú với địa phương, do vậy Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho anh S và đã giao các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Kh là mẹ đẻ anh S, bà Kh đã nhận cam đoan giao đến tay anh S, đến giữa tháng 12/2017 anh S không liên lạc với gia đình, cũng không cung cấp địa chỉ nơi tạm trú cho gia đình và địa phương biết nên bà Kh không biết anh S ở đâu, do đó bà Kh từ chối nhận tiếp các văn bản tố tụng của tòa án, như vậy là anh S cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để anh S biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, ngày 10/01/2018, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng anh S vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, tại phiên tòa hôm nay anh S vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trịnh Xuân S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 26/7/2011 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn, sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S vào Miền làm làm ăn quan hệ ngoại tình và sống chung với người phụ nữ khác rồi về nhà chửi mắng, ngược đãi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai, Tòa án báo hòa giải nhiều lần anh S không đến làm việc cũng không có ý kiến gì mà bỏ mặc chị N, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được, việc chị N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Trịnh Thị Lê Nh, sinh ngày 29/9/2007, từ khi vợ chồng ly thân, cháu Nh ở với chị N, anh S không quan tâm chăm sóc gì. Nay chị N xin tiếp tục nuôi dưỡng, và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N là chính đáng vì từ khi vợ chồng ly thân, cháu Nh ở với chị N, anh S không quan tâm gì, nguyện vọng của cháu Nh muốn ở với chị N, yêu cầu của chị N là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, giao cháu Trịnh Thị Lê Nh cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 1/2018 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nợ: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 273,280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Trịnh Xuân S.

Về con chung: Giao chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Trịnh Thị Lê Nh, sinh ngày 29 /9/2007, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Không có, các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003007 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu

Son, Thanh Hóa, chị N đã nộp đủ án phí, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- UBND xã TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Hợp